

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-PT

Ngày 20 - 8 - 2019

V/v: T/c “Ly hôn, chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ai Giôn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLPT-HNGĐ ngày 14-3-2019 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ - ST ngày 14/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐPT-DS ngày 08/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐ-PT ngày 23-5-2019; Thông báo mở lại phiên tòa số 07/2019/TB-MLPT ngày 10-6-2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2019/QĐ-PT ngày 25-6-2019; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 10/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 24-7-2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2019/QĐ-PT ngày 25-7-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Trú tại: đường 3, phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Đỗ Quang H1, sinh năm 1973

Địa chỉ: đường 3, phường 9, thành phố V. (Theo văn bản ủy quyền số 51 ngày 02-4-2019 - có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964

Trú tại: Số C, phường 12, TP. V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1963 (vắng mặt)

3.2. Ông Đinh Quang H2, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Cùng trú tại số X, phường T, TP. V. Người đại diện theo ủy quyền của ông H2: Bà Lê Thị Thu N.

3.3. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Trú tại: Khu phố H, thị trấn P, Huyện Đ, tỉnh BR-VT.

3.4. Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn L - Chủ tịch

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban: Bà Nguyễn Thị Phương T - Phòng Tài nguyên và Môi trường (ông L và bà T đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1987, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Sơn, Huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định). Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Ông T không quan tâm và không tôn trọng vợ.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn ông T.

+ Về con chung: Có 04 người con gồm: Nguyễn Thị H3, sinh năm 1989; Nguyễn Văn T3, sinh năm 1990; Nguyễn Văn T4, sinh năm 1997; Nguyễn Quang H2, sinh năm 2006. Bà có nguyện vọng được nuôi cháu H2. Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà xác định có các tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại số 1007/10 đường 30/4, phường 11, TP Vũng Tàu. Trên đất có 01 căn nhà tạm.

2. Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 70 tọa lạc tại số C, phường 12, TP Vũng Tàu, trên đất có 01 căn nhà cấp 4.

3. Quyền sử dụng đất thuộc thửa 176, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Bà yêu cầu chia đôi tài sản chung theo quy định và có nguyện vọng được sử dụng căn nhà và đất tại số đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 5 và Quyền sử dụng đất thuộc thửa 176, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên đất.

Bà nhường quyền sử dụng đất thuộc thửa 21, tờ bản đồ số 70 tọa lạc tại số Chi Lăng, phường 12, thành phố Vũng Tàu cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên đất cho ông Nguyễn Văn T. Trong trường hợp bên nào hưởng giá trị cao hơn thì có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch cho bên còn lại.

- Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi đo vẽ, định giá tài sản đối với nhà đất tọa lạc tại 1007/10 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu, Bà phát hiện thửa đất vợ chồng nhận chuyển nhượng từ anh Đinh Quang H2, bà Lê Thị Thu N có sự nhầm lẫn trong quá trình làm thủ tục sang tên. Cụ thể: Theo sơ đồ vị trí thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thì thửa đất tọa lạc tại số 1007/10 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu hiện nay lại đứng tên bà Lê Thị Thu N. Đồng thời, thửa đất bà N đang thực tế sử dụng (1007/12 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu) lại đứng tên ông Nguyễn Văn T, vì vậy đề nghị Tòa án công nhận lại theo hiện trạng thực tế sử dụng cho Bà.

- *Bị đơn, ông Nguyễn Văn T trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý như trình bày của bà H là đúng.

Ông xác nhận, trong thời gian gần đây vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

+ Về con chung: Có 04 người con như bà H đã nêu. Cháu H3 và cháu T3 đã trưởng thành bình thường nên Ông không có ý kiến gì. Riêng cháu T4 (bị câm điếc bẩm sinh) và cháu H2 còn là học sinh, nên Ông tôn trọng nguyện vọng của các con. Trong trường hợp cháu H2 ở với mẹ thì Ông có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng. Trong trường hợp cháu T4 ở với bố thì yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/tháng.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tạo lập được 03 thửa đất và tài sản trên đất như trình bày của bà H là đúng.

Trong Q trình giải quyết vụ án, Ông yêu cầu tất cả các tài sản trên đều bán và chia đôi bằng giá trị tiền theo quy định, vì Ông không có nhu cầu sử dụng. Bà H có nguyện vọng được quyền sử dụng nhà đất tọa lạc tại số 1007/10 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu thì có trách nhiệm thanh toán cho Ông ½ giá trị nhà đất này.

+ Đối với nhà đất tọa lạc tại số 1007/10 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu, thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 05 có sự nhầm lẫn giữa hiện trạng thực tế sử dụng và thửa giấy tờ do bà N, anh H2 mang nhầm giấy CNQSD đất ra phòng công chứng khi ký hợp đồng chuyển nhượng, Vì vậy đề nghị Tòa án công nhận lại theo hiện trạng thực tế sử dụng cho Ông và bà N.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Thu N, ông Đinh Quang H2 (Ông H2 ủy quyền cho bà N) trình bày: Về nguồn gốc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại số 1007/10 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đứng tên Lê Thị Thu N và thửa đất số 114, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại số 1007/12 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn T có nguồn gốc nhận thừa kế từ ông Đinh Văn Hà để lại cho bà N và ông H2. Năm 2012 bà N, ông H2 thống nhất ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 55, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại số 1007/10 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cho vợ chồng ông T, bà H, có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do 02 thửa đất nói trên liền kề nhau nên trong quá trình ký hợp đồng chuyển nhượng các bên đã có sự nhầm lẫn về vị trí và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Trên thực tế hiện nay, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 5 đứng tên ông Nguyễn Văn T do bà Lê Thị Thu N đang sử dụng, ngược lại thửa đất số 114, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại số 1007/12 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đứng tên bà Lê Thị Thu N do vợ chồng bà H sử dụng. Do đó, bà N yêu cầu phía vợ chồng bà H và Bà làm thủ tục chuyển đổi lại về mặt thủ tục giấy tờ pháp lý và yêu cầu công nhận lại cho đúng với thực tế sử dụng hiện nay cho các bên.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu có ý kiến:

Sau khi kiểm tra về thủ tục cấp giấy CNQSD đất thì việc nhầm lẫn về vị trí của các bên không phải do lỗi của cơ quan nhà nước mà do các bên xác định có sự nhầm lẫn trong quá trình chuyển nhượng. Hiện nay, các bên có phát sinh tranh chấp nên UBND thành phố Vũng Tàu không có ý kiến gì khác và sẽ thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Bản án sơ thẩm số 01/2019/HN-ST ngày 14-01-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

1. Về con chung: Có 04 con chung. Cháu H3, T3, T4 đã trưởng thành, nên các bên không yêu cầu xem xét. Riêng cháu H2, sinh năm 2006 có nguyện vọng được ở với mẹ nên bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà H, bà N và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Trần Ngọc Xuân như sau:

+ Bà H được quyền sử dụng đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 5, có diện tích 150m² cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên đất theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tp. Vũng Tàu lập ngày 15-9-2017.

Bà H được quyền sử dụng đối với thửa đất số 176, tờ bản đồ số 25 có diện tích 123,7m² cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên đất theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu lập ngày 03-01-2018 được xác định từ điểm số 1,2,6,7,8,9,10,1.

+ Ông T được quyền sử dụng đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 70, có diện tích 1.142,6m² cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên đất theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP-VT lập ngày 15/9/2017.

+ Bà N được quyền sử dụng đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 5, có diện tích 150m² cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên đất theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tp.Vũng Tàu lập ngày 15-9-2017.

Bà H, ông T và bà N được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên QSD đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá, tiền án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 - 01 - 2019 bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, với nội dung:

Do người đại diện theo ủy quyền đã tự ý thỏa thuận với bà H và quyết định giải quyết tài sản không công bằng mà không hỏi ý kiến của Ông, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Bà H được quyền sử dụng và định đoạt đối với nhà đất thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 5, có diện tích 150m² tại phường 11, thành phố Vũng Tàu

2. Ông T được quyền sử dụng và định đoạt đối với thửa đất số 176, tờ bản đồ số 25 có diện tích 123,7m² cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên đất.

3. Nhà và đất tại thửa số 21, tờ bản đồ số 70, phường 12, Tp.Vũng Tàu có diện tích 1.142,6m² đề nghị chia đôi theo chiều dọc của thửa đất, mỗi người được quyền sử dụng và định đoạt ½ nhà đất này.

4. Bà Lê Thị Thu N được quyền sử dụng và định đoạt đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 5, phường 11, Tp.Vũng Tàu có diện tích 150m² cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên đất.

Nếu bà H và ông T bên nào được hưởng phần tài sản nhiều hơn thì phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho người kia số tiền chênh lệch giá trị tài sản theo quy định.

Bà H và bà N có trách nhiệm tự lo mọi thủ tục và chi phí trong việc thực hiện các thủ tục chuyển đổi tên về quyền sử dụng đất đứng tên mình theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết chia tài sản chung cụ thể như sau:

1. Bà H được toàn quyền sử dụng và định đoạt đối với diện tích đất **150m²** (Trên đất có căn nhà cấp 4 số 1007/10 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu). Nhà và đất thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 5, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Ông T được toàn quyền sử dụng và định đoạt diện tích đất 123,7m² thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên đất và ông T được toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với diện tích **đất 1.142,6m²** thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 70, phường 12, Tp.Vũng Tàu (Trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích **115,5 m²**, nhà số 13/2A Chi Lăng, phường 12, thành phố Vũng Tàu) cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên diện tích đất này. Không bên nào phải bù tiền chênh lệch về giá trị tài sản cho bên nào.

3. Ông T có nghĩa vụ giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa số 55, tờ bản đồ số 5, phường 11, thành phố Vũng Tàu cho bà H để bà H tự đi làm thủ tục chuyển đổi tên về quyền sử dụng đất.

4. Về án phí sơ thẩm có giá ngạch, các bên phải chịu theo quy định.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, đây là phiên tòa được mở lần thứ 3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, về nợ chung, về hôn nhân, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không có kháng cáo, bản án sơ thẩm không bị kháng nghị, nên đã có hiệu lực, cấp phúc thẩm không xem xét lại.

Về tài sản chung của vợ chồng bị kháng cáo:

Tại phiên tòa, các bên đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tài sản chung.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân

sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Về án phí dân sự có giá ngạch, các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, trên cơ sở tranh tụng tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn được lập đúng thủ tục và còn trong thời hạn quy định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nhận thấy; nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, quyền nuôi con và chia tài sản khi ly hôn. Cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết các nội dung yêu cầu này là đúng quy định.

Xét thấy; về nợ chung, về hôn nhân, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con cũng như xác định tài sản của vợ chồng ông T, bà H và tài sản của bà Lê Thị Thu N đối với nhà đất tại thửa số 55, tờ bản đồ số 5, có diện tích 150m² tại phường 11, thành phố Vũng Tàu cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định. Các bên đương sự hoàn toàn đồng ý với kết quả giải quyết của bản án sơ thẩm, bản án không bị kháng cáo, kháng nghị, nên đã có hiệu lực, cấp phúc thẩm không xem xét lại.

Cấp phúc thẩm chỉ xem xét giải quyết theo nội dung kháng cáo, cụ thể: Chia lại tài sản chung của vợ chồng ông T, bà H trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

1. Bà H được toàn quyền sử dụng và định đoạt đối với diện tích đất **150m²** (Trên đất có căn nhà cấp 4 số 1007/10 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu). Nhà và đất thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 5, phường 11, thành phố Vũng Tàu. Theo quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 14-01-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

2. Ông T được toàn quyền sử dụng và định đoạt thửa đất số 176, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên đất và ông T được toàn quyền sử dụng và định đoạt đối với diện tích **đất 1.142,6m²** thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 70, phường 12, Tp.Vũng Tàu (Trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích **115,5 m²**, nhà số 13/2A Chi

Lăng, phường 12, thành phố Vũng Tàu) cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên diện tích đất.

3. Ông T không phải bù tiền chênh lệch về giá trị tài sản cho bà H.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các bên phải chịu theo quy định.

Xét thấy; sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái với đạo đức xã hội cũng như quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà H phải chịu 87.172.610 đồng (72.000.000đ + 2% của số tiền vượt quá 2 tỷ).

+ Ông T phải chịu 98.136.765 đồng (72.000.000đ + 2% của số tiền vượt quá 2 tỷ).

[4] Về chi phí thẩm định, định giá, đo vẽ:

Tại cấp sơ thẩm hết 12.179.066đ. Bà H tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ. Tại cấp phúc thẩm hết 3.400.000 đồng ông T tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Các nội dung khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa bản án sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 14-01-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

1. Về tài sản chung:

+ Bà Phạm Thị H được toàn quyền sử dụng và định đoạt diện tích đất 150m² (Trên đất có căn nhà cấp 4 số 1007/10 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu). Nhà và đất thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo quyết định của Bản án sơ thẩm số 01/2019/HN-ST ngày 14-01-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc giải quyết tài sản chung của ông T, bà H và bà N, ông H2 (Theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 15-9-2017 kèm theo bản án).

+ Ông Nguyễn Văn T được toàn quyền sử dụng và định đoạt diện tích đất 123,7m² thuộc thửa đất số 176, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên đất (Theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện Đất Đỏ lập ngày 03-01-2018 kèm theo bản án). Đất đã được cấp GCNQSD đất ngày 21-01-2003 đứng tên ông T.

Ông Nguyễn Văn T được toàn quyền sử dụng và định đoạt đối với diện tích đất 1.142,6m² thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 70, tọa lạc tại phường 12, Tp.Vũng Tàu, trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 115,5 m² (Nhà số 13/2A Chi Lăng, phường 12, thành phố Vũng Tàu) cùng toàn bộ vật kiến trúc có trên diện tích đất này. GCNQSD đất số AN 409903 cấp ngày 09-9-2008 đứng tên ông T, bà H (Nhà, đất thể hiện tại Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 15-9-2017).

+ Ông T có nghĩa vụ giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 334192 cấp ngày 03/04/2012 do UBND thành phố Vũng Tàu cấp đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 5, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đứng tên ông T cho bà H để bà H làm thủ tục cấp đổi lại GCNQSD đất là số 55, tờ bản đồ số 5 đứng tên mình theo quy định của pháp luật.

+ Ông T không phải thanh toán tiền do chênh lệch về giá trị tài sản cho bà H.

+ Bà Phạm Thị H, ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Thu N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được phân chia theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

+ Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp 98.136.765đ (Chín mươi tám triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, bảy trăm sáu mươi lăm) đồng.

+ Bà Phạm Thị H có nghĩa vụ nộp 87.172.610đ (Tám mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi hai ngàn, sáu trăm mười) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.200.000đ (Mười một triệu, hai trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 07402 và số 07403 ngày 13-10-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.Vũng Tàu. Bà H còn phải nộp thêm số tiền 75.972.610 đ (Bảy mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi hai ngàn, sáu trăm mười) đồng.

4. Về án phí phúc thẩm:

Ông T phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010476 ngày 01-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp Vũng Tàu, ông T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 20 - 8 - 2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh BRVT;
- TAND TP-Vũng Tàu;
- CCTHADS TP –Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự..

(Đã ký và đã đóng dấu)

Đoàn Ngọc Thiện